

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày: 19-7-2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm;

2. Ông Danh Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp C, xã Vĩnh Ph, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Lê Trọng T, sinh năm 1987; có đơn xin vắng mặt

Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1962; có mặt

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2019 các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày: Trước đó, bà Lê Thị Thu H làm chủ vừa mua bán lúa tại ấp C, xã Ph, huyện Th, tỉnh Kiên Giang. Vào năm 2017 bà H có hợp đồng mua lúa với anh Lê Trọng T. Hình thức là bà H đưa tiền trước cho anh T mượn làm vốn để anh T chạy ghe đi mua lúa tươi của người dân. Sau đó, anh T phơi khô lúa rồi chở về vừa bán lại cho bà H với giá cao hơn để kiếm lời (giá lúa khô hai bên đã thống nhất từ trước). Sau khi cân lúa cho bà H xong thì lúc này hai bên khấu trừ lại số tiền anh T đã nhận trước của bà H. Bằng hình thức này, từ năm

2017 đến tháng 02/2018 bà H nhiều lần đưa tiền cho anh T với tổng số tiền 686.900.000đ. Sau đó, anh T chở lúa đến cân lại cho bà H nhưng số lượng lúa không tương ứng với số tiền mà anh T đã nhận trước đó. Tính đến ngày 08/8/2018 thì anh T còn nợ lại số tiền 350.671.000đ. Lúc này, bà H nhiều lần đòi lại tiền thì anh T cùng bà Đ (mẹ anh T) hứa trả nhưng chỉ trả được số tiền 88.000.000đ, thì không trả nữa. Nay bà H yêu cầu anh T cùng bà Đ liên đới trả bà số tiền còn nợ là 262.671.000đ và 02 tháng tiền lãi tính từ ngày 10/12/2018 đến ngày 10/2/2019 là 3.900.000đ. Tổng cộng là 266.571.000đ. Tiền lãi sau ngày 10/2/2019 đến ngày xét xử bà H không yêu cầu.

Tại bản tự khai, các lời khai tại Tòa án Bị đơn anh Lê Trọng T trình bày: Vào năm 2017 anh T có hợp đồng mua lúa với bà H. Hình thức là bà H đưa tiền trước cho anh T làm vốn để anh T chạy ghe đi mua lúa tươi của người dân. Sau đó, anh T phơi khô lúa rồi chở về vừa bán lại cho bà H với giá cao hơn để kiếm lời. Sau khi cân lúa cho bà H xong thì lúc này hai bên khấu trừ lại số tiền anh T đã nhận trước của bà H. Nhưng do giá lúa lên bất thường, anh T đặt cọc cho người dân giá cao nhưng bán lại cho bà H lại là giá thấp. Do đó, anh T còn nợ lại bà H số tiền 262.671.000đ, không có khả năng trả. Nay bà H khởi kiện yêu cầu anh T trả bà H số tiền còn nợ là 262.671.000đ cùng số tiền lãi là 3.900.000đ, tổng cộng là 266.571.000đ, anh T thống nhất trả cho bà H số tiền vốn và lãi mà bà H yêu cầu nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần, mỗi tháng trả 5.000.000đ, trả cho đến khi dứt nợ.

Tại bản tự khai, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa Bị đơn bà Trương Thị Đ trình bày: Mặc dù, không trực tiếp giao dịch mua bán với bà H nhưng việc mua bán bà Đ đều biết. Bà Đ thống nhất cùng con bà là Lê Trọng T trả cho bà H số tiền 266.571.000đ mà bà H yêu cầu. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần, mỗi tháng trả 4.000.000đ, trả cho đến khi dứt nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H buộc anh Lê Trọng T, bà Trương Thị Đ trả Lê Thị Thu H số tiền 266.571.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Lê Trọng T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà H khởi kiện yêu cầu anh T cùng bà Đ (mẹ anh T) trả lại số tiền 266.571.000đ nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Đòi lại tài sản”.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Các bên đương sự thống nhất vào năm 2017 bà Lê Thị Thu H cùng anh Lê Trọng T có hợp đồng mua bán lúa. Hình thức là bà H đưa tiền trước cho anh T mượn làm vốn để anh T chạy ghe đi mua lúa tươi của người dân. Sau đó, anh T phơi khô lúa chở về vừa bán lại cho bà H với giá cao hơn để kiếm lời (giá lúa khô hai bên đã thống nhất từ trước). Sau khi cân lúa cho bà H xong thì lúc này hai bên khấu trừ lại số tiền anh T đã nhận trước của bà H. Bằng hình thức này, từ năm 2017 đến tháng 02/2018 bà H nhiều lần đưa tiền cho anh T với tổng số tiền 686.900.000đ. Sau đó, anh T chở lúa đến cân lại cho bà H nhưng số lượng lúa không tương ứng với số tiền mà anh T đã nhận trước đó. Tính đến ngày 08/8/2018a thì anh T còn nợ lại số tiền 350.671.000đ. Lúc này, bà H nhiều lần đòi lại tiền thì anh T cùng bà Đ (mẹ anh T) trả được số tiền 88.000.000đ, còn nợ lại số tiền 262.671.000đ không trả nữa. Căn cứ Điều 92 (*quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*) của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận đó là sự thật.

Trong quá trình giải quyết vụ bà Đ thống nhất cùng anh T trả bà H số tiền 262.671.000đ và tiền lãi là 3.900.000đ, tổng cộng là 266.571.000đ. Thấy sự tự nguyện này là phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

Các bên chỉ không thống nhất nhau về thời gian trả nợ. Bà H yêu cầu bà Đ, anh T trả một lần cho toàn bộ số tiền chưa trả; bà Đ, anh T xin được trả dần. Do yêu cầu xin được trả dần của bà Đ, anh T không được bà H chấp nhận nên HĐXX không có cơ sở để ghi nhận. Do đó, áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà Đ, anh T liên đới trả cho bà H số tiền 266.571.000đ.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Đ, anh T phải chịu án phí là $266.571.000đ \times 5\% = 13.328.550đ$.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.664.000đ theo biên lai thu số 0002296 ngày 21 tháng 2 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H buộc anh Lê Trọng T, bà Trương Thị Đ liên đới trả bà Lê Thị Thu H số tiền 266.571.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Đ, anh Lê Trọng T phải chịu án phí là 13.328.550đ.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.664.000đ theo biên lai thu số 0002296 ngày 21 tháng 2 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Vũ